**Lớp Phật Pháp Buddhadhamma**

**Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya**

**Bài học ngày 14.7.2020**

**KHẤT SĨ ĐÚNG NGHĨA**

**151. Kinh Khất Thực Thanh Tịnh**

**(Piṇḍapātapārisuddhi Sutta)**

*Khất thực hay trì bình sự nuôi mạng chân chánh của đời sống sa môn. Tìm thực phẩm nuôi mạng thanh tịnh vô khuyết phạm cũng là một thử thách cho người tu tập. Bài kinh nầy ghi lại pháp thoại của Bậc Đại Giác về cái nhìn dung nhiếp giữa ba điểm: đời sống thực tại, huân tu đạo giải thoát và tánh không. Tánh không là đề tài thường gây nhiều ngộ nhận thậm chí trong nhiều trường hợp còn dùng như một triết lý phủ bác tất cả hành trình tu tập mang tánh tiệm tiến. Bài kinh nầy làm sáng tỏ đề tài quan trọng đó.*

***689. Ngay cả một bậc đại thánh đệ tử khi an trú với không tánh vẫn có sự thể hiện khác thường***

*Tôn giả Sāriputta sau giờ thiền định độc cư đến diện kiến Đức Thế Tôn. Mặc dù bình thường vốn là một bậc viên mãn giải thoát, trí tuệ siêu việt nhưng sau giờ nhập định với không tánh vẫn toát ra một sự thanh tịnh trong sáng phi phàm ở ngoại hình:*

****

**N**hư vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivāpa). Rồi Tôn giả Sāriputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi dến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

-- Này Sāriputta, các căn của Ông rất sáng suốt, sắc da của Ông thanh tịnh trong sáng. Này Sāriputta, Ông nay đang phần lớn an trú với loại an trú nào?

-- Bạch Thế Tôn, con nay đang phần lớn an trú với Không trú.

***690. Tánh không không phải là hư vô và càng không phải là sự phủ nhận tất cả thiện pháp***

*Với Tôn giả Sāriputta, một đại đệ tử đệ nhất trí tuệ và chứng trú không tánh, Đức Phật không cần phải hướng dẫn phương cách tu tập. Tuy vậy Đức Phật vẫn thuyết pháp như sự trao truyền lý thuyết nền tảng của giáo pháp, một sự thiết lập chỉ có chư Phật toàn giác mới làm được. Theo Sớ giải thì sự an trú với không tánh chỉ có những bậc đại sỹ (mahāpurisa) mới thể nhập được và những bậc đại sỹ chỉ cho Phật Toàn giác, Phật độc giác và các bậc đại thinh văn giác. Những vị nầy không chỉ giác ngộ đơn thuần mà là trãi nghiệm đầy đủ các giai đoạn tu tập và quán triệt từ phần một của hành trình:*

****

-- Lành thay, lành thay! Này Sāriputta, Ông nay đang phần lớn an trú với sự an trú của bậc Ðại nhân. Này Sāriputta, sự an trú của bậc Ðại nhân tức là không tánh. Do vậy, này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo ước mong rằng: "Mong rằng tôi nay phần lớn an trú với sự an trú không tánh", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Trên con đường ta đã đi vào làng để khất thực, tại trú xứ ta đã đi khất thực, và trên con đường từ làng ta đi khất thực trở về, tại chỗ ấy, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên ở nơi ta dục, tham, sân si, hay hận tâm không?"

Này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo sau khi tư duy biết rằng: "Trên con đường ta đã đi vào làng để khất thực, tại trú xứ ta đã đi khất thực và trên con đường từ làng ta đi khất thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy. Nhưng này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khất thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, không có khởi lên nơi dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khất thực trở về, đối với các tiếng do tai nhận thức,.. đối với các hương do mũi nhận thức,... đối với cácvị do lưỡi nhận thức,... đối với các xúc do thân nhận thức,... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên dục, tham, sân, si hay hận tâm không?"

Này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư biết được như sau: "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khất thực trở về, đối với các tiếng do tai nhận thức,... đối với các hương do mũi nhận thức,... đối với cácvị do lưỡi nhận thức,... đối với các xúc do thân nhận thức,... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si, hay hận tâm", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy. Nhưng này Sāriputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi..., ta đi khất thực trở về, đối với các tiếng do tai nhận thức,... đối với các hương do mũi nhận thức,... đối với cácvị do lưỡi nhận thức,... đối với các xúc do thân nhận thức,... đối với các pháp do ý nhận thức, không có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng chưa? Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm dục trưởng dưỡng. Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái chưa?" Nếu, này Sāriputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm triền cái", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm triền cái. Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái ", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta có liễu tri năm thủ uẩn chưa?" Này Sāriputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa có liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sāriputta, Tỷ- kheo ấy cần phải tinh tán liễu tri năm thủ uẩn. Nhưng nếu, này Sāriputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo ấy được biết như sau: "Ta đã liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sāriputta, vị Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập bốn niệm xứ chưa?" Này Sāriputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết: "Ta chưa tu tập bốn niệm xứ", thời này Sāriputta, vị Tỷ-kheo cần phải tinh tấn tu tập bốn niệm xứ. Nhưng nếu, này Sāriputta, trong khi suy tư Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta đã tu tập bốn niệm xứ ", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập bốn chánh cần chưa? "... "Ta đã tu tập bốn như ý túc chưa?"... "Ta đã tu tập năm căn chưa?"... "Ta đã tu tập năm lực chưa?"... "Ta đã tu tập bảy giác chi chưa?"... Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo Tám ngành chưa?" Nếu Tỷ-kheo, này Sāriputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sāriputta Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Thánh đạo Tám ngành. Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú trong hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập Chỉ và Quán chưa? " Nếu Tỷ-kheo, này Sāriputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa tu tập Chỉ và Quán ", thời này Sāriputta, Tỷ- kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Chỉ và Quán. Nhưng nếu, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập Chỉ và Quán ", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sāriputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát chưa? " Nếu Tỷ-kheo, này Sāriputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa chứng ngộ minh và giải thoát", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập minh và giải thoát.

Nhưng nếu, này Sāriputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát ", thời này Sāriputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Này Sāriputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ đã làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khất thực được thanh tịnh bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Này Sāriputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời gian tương lai sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Và này Sāriputta, những Sa-môn, Bà-la-môn nào trong thơi hiện tại, làm cho khất thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khất thực được thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Vậy này Sāriputta, các Ông cần phải học tập như sau: "Sau khi suy tư, suy tư, chúng ta sẽ làm cho khất thực được thanh tịnh". Này Sāriputta, các Ông phải tu tập như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sāriputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

***Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu***

***Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đẳng***

**-ooOoo-**

**Kinh số 151 [tóm tắt]**

**Kinh Khất Thực Thanh Tịnh**

**(Piṇḍapātapārisuddhi Sutta)**

**(M.iii, 293)**

Khi Thế Tôn hỏi Tôn giả Sāriputta an trú như thế nào, Tôn giả trả lời là an trú ở không. Thế Tôn tán thán và dạy rằng sự an trú của bậc đại nhân chính là không tánh, sự an trú ấy sẽ làm cho thanh tịnh đồ khất thực. Và Thế Tôn giảng thế nào là an trú không tánh.

1/ Vị Tỷ-kheo cần suy tư như sau: “Trên con đường đi tới chỗ khất thực, tại chỗ ấy và trên đường về, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, ta có khởi lên dục, tham, sân, si hay hận tâm hay không?” Nếu thấy có, thì phải tinh tấn đoạn trừ các pháp bất thiện ấy. Nếu không vị ấy hãy an trú với hỷ và hân hoan, ngày và đêm tu học trong các thiện pháp.

2/ Vị ấy cần suy xét, đối với năm dục trưởng dưỡng, đã đoạn tận chưa? Nếu chưa, cần phải tinh tấn đoạn trừ (như trên).

3/ Đối với năm triền cái (tham, sân, hôn trầm, trạo cử, nghi) suy tư như trên.

4/ Đối với năm thủ uẩn, cần suy nghĩ: “Ta đã thấu rõ bản chất năm thủ uẩn chưa?”

Nếu chưa, vị ấy phải tinh tấn để thấu rõ (... như trên).

5/ Đối với bốn niệm xứ, đã tu tập chưa?

6/ Đối với chánh cần (như trên)?

7/ Đối với bốn như ý túc (như trên)?

8/ Đối với năm căn?

9/ Đối với sáu lực?

10/ Đối với bảy giác chi?

11/ Đối với Thánh đạo tám ngành?

12/ Đối với chỉ và quán?

13/ Đối với minh và giải thoát, ta đã chứng ngộ chưa?

Bằng cách suy tư như trên, những Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, hiện tại, tương lai làm cho khất thực được thanh tịnh.

***Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu***

**-ooOoo-**

**Kinh số 151 [dàn ý]**

**Kinh Khất Thực Thanh Tịnh**

**(Piṇḍapātapārisuddhi Sutta)**

**(M.iii, 293)**

**A. Duyên khởi:**

Khi được nghe Tôn giả Sāriputta thường an trú không tánh, Thế Tôn tán thán Tôn giả Sāriputta và thuyết kinh này.

**B. Chánh kinh:**

I. Trên con đường đi khất thực, tại chỗ khất thực và khi trở về có khởi lên dục, tham, sân hận, si không. Nếu có thời tinh tấn đoạn trừ, nếu không thời hoan hỷ ngày đêm tu học trong thiện pháp.

II. Ta đã đoạn tận 5 dục trưởng dưỡng chưa. Nếu chưa thời tinh tấn đoạn trừ. Nếu đoạn rồi thời hoan hỷ ngày đêm tu học trong thiện pháp.

III. Ta đã đoạn tận 5 triền cái chưa. Nếu chưa thời tinh tấn đoạn trừ. Nếu đoạn trừ rồi thời hoan hỷ ngày đêm tu học trong thiện pháp.

IV. Ta đã liễu tri 5 thủ uẩn chưa. Nếu chưa thời tinh tấn liễu tri 5 thủ uẩn. Nếu liễu tri rồi thời hoan hỷ ngày đêm tu học trong thiện pháp.

V. Ta đã tu tập 37 pháp trợ đạo chưa. Nếu chưa thời tinh tấn tu tập. Nếu rồi thì an trú hoan hỷ ngày đêm tu học trong thiện pháp.

VI. Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát chưa. Nếu chưa thời tinh tấn tu tập minh và giải thoát. Nếu chứng ngộ rồi thì an trú trong hoan hỷ ngày đêm tu học trong thiện pháp.

**C. Kết luận:**

Tôn giả Sāriputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

***Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu***

**-ooOoo-**

**Kinh số 151 [toát yếu]**

**Kinh Khất Thực Thanh Tịnh**

**(Piṇḍapātapārisuddhi Sutta)**

**(M.iii, 293)**

**I. TOÁT YẾU**

***The Purification of Almsfood.***

*The Buddha teaches Sariputta how a bikkhu should review himself to make himself worthy of almsfood.*

***Sự làm sạch đồ ăn khất thực.***

*Phật dạy Xá-lợi-phất một tỷ kheo nên quán xét như thế nào để làm cho mình xứng đáng với thực phẩm xin được.*

**II. TÓM TẮT**

Khi đức Thế Tôn ở Trúc lâm thuộc thành Vương xá, một hôm tôn giả Xá-lợi-phất xuất khỏi thiền định độc cư, đến hầu Phật. Phật khen các căn của tôn giả thanh tịnh, làn da trong sáng; và hỏi nay tôn giả phần lớn an trú tâm như thế nào. Tôn giả bạch Phật, con an trú vào KHÔNG. Phật dạy rất tốt, đấy là sự an trú của bậc đại nhân, tức là an trú Tánh không.

Rồi Ngài giảng dạy cách an trú Không:

1. Trên đường đi khất thực và trở về, nên tự hỏi mình có khởi lên dục tham, sân, si, hận đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp do sáu căn nhận thức hay không. Nếu có, phải tinh tấn đoạn trừ. Nếu không, nên hoan hỷ ngày đêm tu học các thiện pháp.

2. Lại nên thường tự xét đã đoạn hay chưa năm dục trưởng dưỡng, năm triền cái?

3. Hiểu thấu đáo năm uẩn chưa?

4. Ðã tu tập hay chưa: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám thánh đạo, chỉ và quán?

5. Ta đã chứng minh và giải thoát hay chưa? Tự xét như vậy nếu thấy mình chưa thực hành các pháp ấy thì nên tinh tấn tu tập. Nếu thấy mình có tu tập các pháp ấy thì hãy hoan hỷ tiến tu. Như vậy là cách làm cho sự khất thực của mình được thanh tịnh. Ðấy cũng là cách nghĩ của các sa môn bà-la-môn trong quá khứ, hiện tại, vị lai để làm thanh tịnh sự khất thực.

**III. CHÚ GIẢI**

Muốn xứng đáng với sự cung ứng về các nhu cầu ăn mặc ở bệnh do xã hội mang lại, một người tu cần ý thức tỉnh giác về các ô nhiễm khởi lên để đoạn trừ, hoặc không khởi lên thì hân hoan tu học các thiện pháp.

**IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

**V. KỆ TỤNG**

Khi đức Thế Tôn

Ở vườn Trúc lâm

Thuộc thành Vương xá,

Vào một buổi chiều

Ngài Xá-lợi-phất

Ra khỏi thiền tịnh

Ði đến hầu Phật.

Phật khen tôn giả

Các căn thanh tịnh,

Làn da trong sáng;

Và hỏi tôn giả

Trú tâm thế nào?

Tôn giả bạch Phật,

Con trú vào KHÔNG.

Phật dạy rất tốt,

Ðấy là chỗ trú

Của bậc đại nhân,

Tức trú tánh Không.

Rồi Ngài giảng dạy

Cách an trú Không:

Trên đường khất thực

Và đi trở về,

Nên thường tự hỏi

Mình có khởi lên

Dục tham, sân, hận

Ðối với các sắc,

Thanh hương vị xúc

Do năm căn nhận

Và đối các pháp

Do ý nhận thức?

Nếu có, đoạn liền.

Lại thường tự xét

Ðã đoạn hay chưa

Năm dục trưởng dưỡng,

Và năm triền cái?

Ðã hiểu thấu đáo

Về năm uẩn chưa?

Ðã tu tập chưa,

Bốn pháp niệm xứ,

Chánh cần, thần túc,

Năm căn, năm lực,

Bảy pháp giác chi,

Và tám thánh đạo?

Chỉ quán tu chưa?

Ðã chứng hay chưa

Minh và giải thoát?

Tự xét nếu chưa

Thì nên tinh tấn

Tu các pháp này

Nếu mình đã tu

Thì nên hoan hỷ

Tiến đến thành tựu.

Tự xét như vậy

Chính là cách làm

Cho sự khất thực

Trở thành sạch sẽ

Và đấy cũng là

Ðường lối tư duy

Của các sa môn Và bà-la-môn

Trong cả ba thời

Quá, hiện, vị lai

Ðể làm thanh tịnh

Phẩm vật xin ăn.

***Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu***

***Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải***

**-ooOoo-**

**151. Piṇḍapātapārisuddhisuttaṃ [Mūla]**

**438.** Evaṃ me sutaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Atha kho āyasmā sāriputto sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito yena **Bhagavā** tenupasaṅkami upasaṅkamitvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho āyasmantaṃ sāriputtaṃ **Bhagavā** etadavoca : ''vippasannāni kho te, sāriputta, indriyāni, parisuddho chavivaṇṇo pariyodāto. Katamena kho tvaṃ, sāriputta, vihārena etarahi bahulaṃ viharasīti? ''suññatāvihārena kho ahaṃ, bhante, etarahi bahulaṃ viharāmīti. ''Sādhu, sādhu, sāriputta! mahāpurisavihārena kira tvaṃ, sāriputta, etarahi bahulaṃ viharasi. Mahāpurisavihāro eso [hesa (sī. syā. kaṃ. pī.)], sāriputta, yadidaṃ : suññatā. Tasmātiha, sāriputta, bhikkhu sace ākaṅkheyya : 'suññatāvihārena bahulaṃ [etarahi bahulaṃ (sī. pī.)] vihareyyanti, tena, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'yena cāhaṃ maggena gāmaṃ piṇḍāya pāvisiṃ, yasmiñca padese piṇḍāya acariṃ, yena ca maggena gāmato piṇḍāya paṭikkamiṃ, atthi nu kho me tattha cakkhuviññeyyesu rūpesu chando vā rāgo vā doso vā moho vā paṭighaṃ vāpi cetasoti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'yena cāhaṃ maggena gāmaṃ piṇḍāya pāvisiṃ, yasmiñca padese piṇḍāya acariṃ, yena ca maggena gāmato piṇḍāya paṭikkamiṃ, atthi me tattha cakkhuviññeyyesu rūpesu chando vā rāgo vā doso vā moho vā paṭighaṃ vāpi cetasoti, tena, sāriputta, bhikkhunā tesaṃyeva pāpakānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ pahānāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'yena cāhaṃ maggena gāmaṃ piṇḍāya pāvisiṃ, yasmiñca padese piṇḍāya acariṃ, yena ca maggena gāmato piṇḍāya paṭikkamiṃ, natthi me tattha cakkhuviññeyyesu rūpesu chando vā rāgo vā doso vā moho vā paṭighaṃ vāpi cetasoti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**439.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'yena cāhaṃ maggena gāmaṃ piṇḍāya pāvisiṃ, yasmiñca padese piṇḍāya acariṃ, yena ca maggena gāmato piṇḍāya paṭikkamiṃ, atthi nu kho me tattha sotaviññeyyesu saddesu - pe - ghānaviññeyyesu gandhesu... jivhāviññeyyesu rasesu ... kāyaviññeyyesu phoṭṭhabbesu... manoviññeyyesu dhammesu chando vā rāgo vā doso vā moho vā paṭighaṃ vāpi cetasoti? sace , sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'yena cāhaṃ maggena gāmaṃ piṇḍāya pāvisiṃ, yasmiñca padese piṇḍāya acariṃ, yena ca maggena gāmato piṇḍāya paṭikkamiṃ, atthi me tattha manoviññeyyesu dhammesu chando vā rāgo vā doso vā moho vā paṭighaṃ vāpi cetasoti, tena, sāriputta, bhikkhunā tesaṃyeva pāpakānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ pahānāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'yena cāhaṃ maggena gāmaṃ piṇḍāya pāvisiṃ, yasmiñca padese piṇḍāya acariṃ, yena ca maggena gāmato piṇḍāya paṭikkamiṃ, natthi me tattha manoviññeyyesu dhammesu chando vā rāgo vā doso vā moho vā paṭighaṃ vāpi cetasoti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**440.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'pahīnā nu kho me pañca kāmaguṇāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'appahīnā kho me pañca kāmaguṇāti, tena, sāriputta, bhikkhunā pañcannaṃ kāmaguṇānaṃ pahānāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'pahīnā kho me pañca kāmaguṇāti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**441.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'pahīnā nu kho me pañca nīvaraṇāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'appahīnā kho me pañca nīvaraṇāti, tena, sāriputta, bhikkhunā pañcannaṃ nīvaraṇānaṃ pahānāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'pahīnā kho me pañca nīvaraṇāti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**442.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'pariññātā nu kho me pañcupādānakkhandhāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'apariññātā kho me pañcupādānakkhandhāti, tena, sāriputta, bhikkhunā pañcannaṃ upādānakkhandhānaṃ pariññāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'pariññātā kho me pañcupādānakkhandhāti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**443.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'bhāvitā nu kho me cattāro satipaṭṭhānāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'abhāvitā kho me cattāro satipaṭṭhānāti, tena, sāriputta, bhikkhunā catunnaṃ satipaṭṭhānānaṃ bhāvanāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'bhāvitā kho me cattāro satipaṭṭhānāti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**444.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'bhāvitā nu kho me cattāro sammappadhānāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'abhāvitā kho me cattāro sammappadhānāti, tena, sāriputta, bhikkhunā catunnaṃ sammappadhānānaṃ bhāvanāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'bhāvitā kho me cattāro sammappadhānāti , tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**445.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'bhāvitā nu kho me cattāro iddhipādāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'abhāvitā kho me cattāro iddhipādāti, tena, sāriputta, bhikkhunā catunnaṃ iddhipādānaṃ bhāvanāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'bhāvitā kho me cattāro iddhipādāti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**446.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'bhāvitāni nu kho me pañcindriyānīti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'abhāvitāni kho me pañcindriyānīti, tena, sāriputta, bhikkhunā pañcannaṃ indriyānaṃ bhāvanāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'bhāvitāni kho me pañcindriyānīti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**447.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'bhāvitāni nu kho me pañca balānīti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'abhāvitāni kho me pañca balānīti, tena, sāriputta, bhikkhunā pañcannaṃ balānaṃ bhāvanāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'bhāvitāni kho me pañca balānīti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**448.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'bhāvitā nu kho me satta bojjhaṅgāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'abhāvitā kho me satta bojjhaṅgāti, tena, sāriputta, bhikkhunā sattannaṃ bojjhaṅgānaṃ bhāvanāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'bhāvitā kho me satta bojjhaṅgāti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**449.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'bhāvito nu kho me ariyo aṭṭhaṅgiko maggoti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'abhāvito kho me ariyo aṭṭhaṅgiko maggoti, tena, sāriputta, bhikkhunā ariyassa aṭṭhaṅgikassa maggassa bhāvanāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'bhāvito kho me ariyo aṭṭhaṅgiko maggoti , tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**450.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'bhāvitā nu kho me samatho ca vipassanā cāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'abhāvitā kho me samatho ca vipassanā cāti, tena, sāriputta, bhikkhunā samathavipassanānaṃ bhāvanāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'bhāvitā kho me samatho ca vipassanā cāti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**451.** ''Puna caparaṃ, sāriputta, bhikkhunā iti paṭisañcikkhitabbaṃ : 'sacchikatā nu kho me vijjā ca vimutti cāti? sace, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'asacchikatā kho me vijjā ca vimutti cāti, tena, sāriputta, bhikkhunā vijjāya vimuttiyā sacchikiriyāya vāyamitabbaṃ. Sace pana, sāriputta, bhikkhu paccavekkhamāno evaṃ jānāti : 'sacchikatā kho me vijjā ca vimutti cāti, tena, sāriputta, bhikkhunā teneva pītipāmojjena vihātabbaṃ ahorattānusikkhinā kusalesu dhammesu.

**452.** ''Ye hi keci, sāriputta, atītamaddhānaṃ samaṇā vā brāhmaṇā vā piṇḍapātaṃ parisodhesuṃ, sabbe te evameva paccavekkhitvā paccavekkhitvā piṇḍapātaṃ parisodhesuṃ. Yepi hi keci, sāriputta, anāgatamaddhānaṃ samaṇā vā brāhmaṇā vā piṇḍapātaṃ parisodhessanti, sabbe te evameva paccavekkhitvā paccavekkhitvā piṇḍapātaṃ parisodhessanti. Yepi hi keci, sāriputta, etarahi samaṇā vā brāhmaṇā vā piṇḍapātaṃ parisodhenti, sabbe te evameva paccavekkhitvā paccavekkhitvā piṇḍapātaṃ parisodhenti. Tasmātiha, sāriputta [vo sāriputta evaṃ sikkhitabbaṃ (sī. pī.)], 'paccavekkhitvā paccavekkhitvā piṇḍapātaṃ parisodhessāmāti : evañhi vo, sāriputta, sikkhitabbanti. Idamavoca **Bhagavā**. Attamano āyasmā sāriputto bhagavato bhāsitaṃ abhinandīti.

Piṇḍapātapārisuddhisuttaṃ niṭṭhitaṃ navamaṃ.

**151. Piṇḍapātapārisuddhisuttavaṇṇanā [Atthakathā]**

**438**. **Evaṃ** **me suta**nti piṇḍapātapārisuddhisuttaṃ. Tattha **paṭisallānā**ti phalasamāpattito.

**Vippasannānī**ti okāsavasenetaṃ vuttaṃ. Phalasamāpattito hi vuṭṭhitassa pañcahi pasādehi patiṭṭhitokāso vippasanno hoti, chavivaṇṇo parisuddho. Tasmā evamāha. **Suññatavihārenā**ti suññataphalasamāpattivihārena. **Mahāpurisavihāro**ti buddhapaccekabuddhatathāgatamahāsāvakānaṃ mahāpurisānaṃ vihāro. **Yena cāhaṃ maggenā**tiādīsu vihārato paṭṭhāya yāva gāmassa indakhīlā esa paviṭṭhamaggo nāma, antogāmaṃ pavisitvā gehapaṭipāṭiyā caritvā yāva nagaradvārena nikkhamanā esa caritabbapadeso nāma, bahi indakhīlato paṭṭhāya yāva vihārā esa paṭikkantamaggo nāma. **Paṭighaṃ vāpi cetaso**ti citte paṭihaññanakilesajātaṃ kiñci atthi natthīti. **Ahorattānusikkhinā**ti divasañca rattiñca anusikkhantena.

**440**. **Pahīnā nu kho me pañca kāmaguṇā**tiādīsu ekabhikkhussa paccavekkhaṇā nānā, nānābhikkhūnaṃ paccavekkhaṇā nānāti. Kathaṃ? Eko hi bhikkhu pacchābhattaṃ piṇḍapātapaṭikkanto pattacīvaraṃ paṭisāmetvā vivittokāse nisinno paccavekkhati ‘‘pahīnā nu kho me pañcakāmaguṇā’’ti. So ‘‘appahīnā’’ti ñatvā vīriyaṃ paggayha anāgāmimaggena pañcakāmaguṇikarāgaṃ samugghāṭetvā maggānantaraṃ phalaṃ phalānantaraṃ maggaṃ tato vuṭṭhāya paccavekkhanto ‘‘pahīnā’’ti pajānāti. Nīvaraṇādīsupi eseva nayo. Etesaṃ pana arahattamaggena pahānādīni honti, evaṃ ekabhikkhussa nānāpaccavekkhaṇā hoti. Etāsu pana paccavekkhaṇāsu añño bhikkhu ekaṃ paccavekkhaṇaṃ paccavekkhati, añño ekanti evaṃ nānābhikkhūnaṃ nānāpaccavekkhaṇā hoti. Sesaṃ sabbattha uttānamevāti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Piṇḍapātapārisuddhisuttavaṇṇanā niṭṭhitā.